

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:

14

Tại phòng:

218

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 900001 | 9A3 | Bùi Khánh An          | 03/04/2011 |         |
| 2   | 900002 | 9A6 | Đỗ Xuân An            | 19/09/2011 |         |
| 3   | 900003 | 9A5 | Hoàng Chúc An         | 11/09/2011 |         |
| 4   | 900004 | 9A3 | Lê Hoàng An           | 20/07/2011 |         |
| 5   | 900005 | 9A2 | Lê Nguyễn Khánh An    | 16/07/2011 |         |
| 6   | 900006 | 9A1 | Nguyễn Hữu An         | 22/09/2011 |         |
| 7   | 900007 | 9A1 | Nguyễn Khánh An       | 30/07/2011 |         |
| 8   | 900008 | 9A6 | Nguyễn Lê Duy An      | 21/03/2011 |         |
| 9   | 900009 | 9A3 | Phạm Nguyễn Bình An   | 03/11/2011 |         |
| 10  | 900010 | 9A3 | Trần Thị Phương An    | 12/12/2011 |         |
| 11  | 900011 | 9A3 | Dương Nguyệt Anh      | 21/09/2011 |         |
| 12  | 900012 | 9A1 | Lại Hiền Anh          | 22/06/2011 |         |
| 13  | 900013 | 9A4 | Lê Nam Anh            | 07/02/2011 |         |
| 14  | 900014 | 9A4 | Lê Nguyên Anh         | 16/05/2011 |         |
| 15  | 900015 | 9A1 | Ngô Đức Anh           | 22/05/2011 |         |
| 16  | 900016 | 9A5 | Nguyễn Đỗ Diệp Anh    | 24/08/2011 |         |
| 17  | 900017 | 9A6 | Nguyễn Hoàng Anh      | 28/05/2011 |         |
| 18  | 900018 | 9A6 | Nguyễn Hồng Anh       | 02/09/2011 |         |
| 19  | 900019 | 9A4 | Nguyễn Phương Anh     | 23/02/2011 |         |
| 20  | 900020 | 9A6 | Nguyễn Tâm Anh        | 10/11/2011 |         |
| 21  | 900021 | 9A2 | Nguyễn Trần Quỳnh Anh | 11/05/2011 |         |
| 22  | 900022 | 9A5 | Nguyễn Tú Anh         | 23/11/2011 |         |
| 23  | 900023 | 9A3 | Phạm Hồng Anh         | 26/10/2011 |         |
| 24  | 900024 | 9A5 | Tạ Việt Anh           | 06/08/2011 |         |
| 25  |        |     |                       |            |         |
| 26  |        |     |                       |            |         |
| 27  |        |     |                       |            |         |
| 28  |        |     |                       |            |         |
| 29  |        |     |                       |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:15

Tại phòng:220

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS        | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|---------------------|------------|---------|
| 1   | 900025 | 9A1 | Trịnh Bảo Anh       | 24/06/2011 |         |
| 2   | 900026 | 9A5 | Trịnh Đức Anh       | 20/01/2011 |         |
| 3   | 900027 | 9A2 | Vũ Bảo Anh          | 21/09/2011 |         |
| 4   | 900028 | 9A4 | Vũ Hà Anh           | 11/12/2011 |         |
| 5   | 900029 | 9A4 | Vũ Trâm Anh         | 19/03/2011 |         |
| 6   | 900030 | 9A2 | Vũ Tuấn Anh         | 30/07/2011 |         |
| 7   | 900031 | 9A1 | Tạ Hồng Ánh         | 04/03/2011 |         |
| 8   | 900032 | 9A2 | Đặng Hoàng Bách     | 12/12/2011 |         |
| 9   | 900033 | 9A4 | Phạm Sơn Bách       | 05/10/2011 |         |
| 10  | 900034 | 9A3 | Châu Thái Bảo       | 10/11/2011 |         |
| 11  | 900035 | 9A4 | Đàm Văn Thái Bảo    | 22/06/2011 |         |
| 12  | 900036 | 9A3 | Trần Thế Bằng       | 12/09/2011 |         |
| 13  | 900037 | 9A2 | Nguyễn Đức Bình     | 04/10/2011 |         |
| 14  | 900038 | 9A6 | Nguyễn Thị Cẩm Bình | 01/04/2011 |         |
| 15  | 900039 | 9A6 | Dương Tuệ Châu      | 16/01/2011 |         |
| 16  | 900040 | 9A2 | Hồ Minh Châu        | 05/04/2011 |         |
| 17  | 900041 | 9A1 | Lê Hà Bảo Châu      | 15/02/2011 |         |
| 18  | 900042 | 9A2 | Nguyễn Vũ Bảo Châu  | 28/09/2011 |         |
| 19  | 900043 | 9A5 | Doãn Tùng Chi       | 21/09/2011 |         |
| 20  | 900044 | 9A4 | Đặng Ngọc Thảo Chi  | 19/06/2011 |         |
| 21  | 900045 | 9A5 | Đinh Diệp Chi       | 08/11/2011 |         |
| 22  | 900046 | 9A5 | Hoàng Bảo Chi       | 28/10/2011 |         |
| 23  | 900047 | 9A2 | Lê Nguyễn Tùng Chi  | 14/02/2011 |         |
| 24  | 900048 | 9A3 | Ngô Khánh Chi       | 29/03/2011 |         |
| 25  |        |     |                     |            |         |
| 26  |        |     |                     |            |         |
| 27  |        |     |                     |            |         |
| 28  |        |     |                     |            |         |
| 29  |        |     |                     |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:16

Tại phòng:221

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|----------------------|------------|---------|
| 1   | 900049 | 9A6 | Nguyễn Hà Chi        | 18/03/2011 |         |
| 2   | 900050 | 9A1 | Nguyễn Khánh Chi     | 21/03/2011 |         |
| 3   | 900051 | 9A2 | Nguyễn Mai Chi       | 14/05/2011 |         |
| 4   | 900052 | 9A1 | Phùng Ngọc Tùng Chi  | 13/08/2011 |         |
| 5   | 900053 | 9A6 | Từ Thùy Chi          | 07/03/2011 |         |
| 6   | 900054 | 9A2 | Chữ Minh Chính       | 21/01/2011 |         |
| 7   | 900055 | 9A5 | Đình Thế Cường       | 27/10/2011 |         |
| 8   | 900056 | 9A1 | Nguyễn Bích Diễm     | 24/02/2011 |         |
| 9   | 900057 | 9A5 | Đào Hoàng Bích Diệp  | 02/05/2011 |         |
| 10  | 900058 | 9A1 | Đỗ Thị Phương Dung   | 11/04/2011 |         |
| 11  | 900059 | 9A2 | Nguyễn Phương Dung   | 23/07/2011 |         |
| 12  | 900060 | 9A2 | Nguyễn Trí Khánh Duy | 02/03/2011 |         |
| 13  | 900061 | 9A3 | Nguyễn Đăng Dương    | 20/05/2011 |         |
| 14  | 900062 | 9A5 | Nguyễn Hoàng Dương   | 30/06/2011 |         |
| 15  | 900063 | 9A6 | Nguyễn Vũ Tuệ Dương  | 08/03/2011 |         |
| 16  | 900064 | 9A5 | Phạm Lê Nam Dương    | 07/02/2011 |         |
| 17  | 900065 | 9A6 | Nguyễn Tiến Đạt      | 07/03/2011 |         |
| 18  | 900066 | 9A1 | Bùi Minh Đức         | 26/11/2011 |         |
| 19  | 900067 | 9A5 | Hoàng Tuấn Đức       | 11/03/2011 |         |
| 20  | 900068 | 9A3 | Dương Châu Giang     | 28/03/2011 |         |
| 21  | 900069 | 9A3 | Lê Trường Giang      | 23/07/2011 |         |
| 22  | 900070 | 9A4 | Lương Linh Giang     | 26/01/2011 |         |
| 23  | 900071 | 9A5 | Nguyễn Cát Bảo Giang | 17/08/2011 |         |
| 24  | 900072 | 9A5 | Nguyễn Hương Giang   | 20/09/2011 |         |
| 25  |        |     |                      |            |         |
| 26  |        |     |                      |            |         |
| 27  |        |     |                      |            |         |
| 28  |        |     |                      |            |         |
| 29  |        |     |                      |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:17

Tại phòng:301

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|----------------------|------------|---------|
| 1   | 900073 | 9A5 | Phạm Hương Giang     | 03/12/2011 |         |
| 2   | 900074 | 9A4 | Trần Hương Giang     | 18/10/2011 |         |
| 3   | 900075 | 9A3 | Trần Minh Giang      | 03/05/2011 |         |
| 4   | 900076 | 9A1 | Trần Thị Thanh Giang | 30/01/2011 |         |
| 5   | 900077 | 9A3 | Vũ Hương Giang       | 02/08/2011 |         |
| 6   | 900078 | 9A4 | Đinh Thúy Hà         | 05/12/2011 |         |
| 7   | 900079 | 9A3 | Lưu Quang Hà         | 04/10/2011 |         |
| 8   | 900080 | 9A4 | Nguyễn Ngọc Hà       | 08/01/2011 |         |
| 9   | 900081 | 9A1 | Phạm Khánh Hà        | 05/02/2011 |         |
| 10  | 900082 | 9A4 | Phạm Mỹ Hà           | 06/05/2011 |         |
| 11  | 900083 | 9A5 | Trần Đỗ Ngân Hà      | 11/03/2011 |         |
| 12  | 900084 | 9A4 | Đặng Nam Hải         | 09/10/2011 |         |
| 13  | 900085 | 9A1 | Ngô Nam Hải          | 06/09/2011 |         |
| 14  | 900086 | 9A1 | Nguyễn Hải           | 26/02/2011 |         |
| 15  | 900087 | 9A2 | Nguyễn Thanh Hải     | 19/05/2011 |         |
| 16  | 900088 | 9A4 | Phạm Trường Hải      | 16/03/2011 |         |
| 17  | 900089 | 9A1 | Phạm Việt Hải        | 24/02/2011 |         |
| 18  | 900090 | 9A4 | Bùi Ngọc Chu Hân     | 10/10/2011 |         |
| 19  | 900091 | 9A3 | Nguyễn Vũ Bảo Hân    | 08/04/2011 |         |
| 20  | 900092 | 9A2 | Phạm Ngọc Bảo Hân    | 20/10/2011 |         |
| 21  | 900093 | 9A1 | Trần Bảo Hân         | 19/02/2011 |         |
| 22  | 900094 | 9A1 | Đặng Vũ Hiệp         | 14/11/2011 |         |
| 23  | 900095 | 9A1 | Đỗ Minh Hiếu         | 12/01/2011 |         |
| 24  | 900096 | 9A2 | Lương Đức Hiếu       | 07/09/2011 |         |
| 25  |        |     |                      |            |         |
| 26  |        |     |                      |            |         |
| 27  |        |     |                      |            |         |
| 28  |        |     |                      |            |         |
| 29  |        |     |                      |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:18

Tại phòng:302

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|----------------------|------------|---------|
| 1   | 900097 | 9A4 | Nguyễn Đạt Hiếu      | 27/07/2011 |         |
| 2   | 900098 | 9A1 | Nguyễn Minh Hiếu     | 09/09/2011 |         |
| 3   | 900099 | 9A6 | Nguyễn Diệu Hoa      | 09/08/2011 |         |
| 4   | 900100 | 9A2 | Đoàn Đức Hòa         | 13/04/2011 |         |
| 5   | 900101 | 9A5 | Lê Trọng Hoàng       | 02/02/2011 |         |
| 6   | 900102 | 9A3 | Hoàng Lê Hùng        | 14/01/2011 |         |
| 7   | 900103 | 9A6 | Nguyễn Minh Hùng     | 08/12/2011 |         |
| 8   | 900104 | 9A4 | Đinh Ngọc Huy        | 28/03/2011 |         |
| 9   | 900105 | 9A2 | Giang Gia Huy        | 31/10/2011 |         |
| 10  | 900106 | 9A2 | Lê Quang Huy         | 14/03/2011 |         |
| 11  | 900107 | 9A4 | Nguyễn Đăng Huy      | 23/08/2011 |         |
| 12  | 900108 | 9A4 | Nguyễn Minh Huy      | 01/01/2011 |         |
| 13  | 900109 | 9A5 | Phạm Xuân Huy        | 19/06/2011 |         |
| 14  | 900110 | 9A6 | Phan Gia Huy         | 16/06/2011 |         |
| 15  | 900111 | 9A6 | Tổng Gia Huy         | 06/03/2011 |         |
| 16  | 900112 | 9A1 | Trần Đức Huy         | 07/11/2011 |         |
| 17  | 900113 | 9A4 | Trần Gia Huy         | 20/10/2011 |         |
| 18  | 900114 | 9A4 | Hà Nguyên Hưng       | 01/10/2011 |         |
| 19  | 900115 | 9A6 | Lê Quốc Hưng         | 03/03/2011 |         |
| 20  | 900116 | 9A4 | Nguyễn Hữu Phúc Hưng | 28/03/2011 |         |
| 21  | 900117 | 9A2 | Phạm Gia Hưng        | 08/12/2011 |         |
| 22  | 900118 | 9A5 | Thái Gia Hưng        | 27/12/2011 |         |
| 23  | 900119 | 9A1 | Hàn Ngô Quỳnh Hương  | 20/12/2011 |         |
| 24  | 900120 | 9A3 | Lê Minh Khang        | 06/08/2011 |         |
| 25  |        |     |                      |            |         |
| 26  |        |     |                      |            |         |
| 27  |        |     |                      |            |         |
| 28  |        |     |                      |            |         |
| 29  |        |     |                      |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:

19

Tại phòng:

303

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 900121 | 9A5 | Lê Nguyên Khang       | 04/02/2011 |         |
| 2   | 900122 | 9A2 | Nguyễn Hà Khang       | 15/01/2011 |         |
| 3   | 900123 | 9A2 | Phạm Minh Khang       | 18/10/2011 |         |
| 4   | 900124 | 9A5 | Nguyễn Đức Tuấn Khanh | 28/04/2011 |         |
| 5   | 900125 | 9A6 | Trần Minh Khanh       | 09/11/2011 |         |
| 6   | 900126 | 9A1 | Lưu Bảo Khánh         | 19/04/2011 |         |
| 7   | 900127 | 9A4 | Nguyễn Duy Khánh      | 04/12/2011 |         |
| 8   | 900128 | 9A6 | Nguyễn Nam Khánh      | 13/05/2011 |         |
| 9   | 900129 | 9A6 | Nguyễn Vũ Ngân Khánh  | 08/03/2011 |         |
| 10  | 900130 | 9A5 | Trịnh Quang Khánh     | 26/04/2011 |         |
| 11  | 900131 | 9A4 | Đào Đăng Khoa         | 23/04/2011 |         |
| 12  | 900132 | 9A2 | Đỗ Đăng Khoa          | 14/02/2011 |         |
| 13  | 900133 | 9A6 | Đỗ Đăng Khoa          | 19/11/2011 |         |
| 14  | 900134 | 9A6 | Đỗ Nguyễn Đăng Khoa   | 04/03/2011 |         |
| 15  | 900135 | 9A5 | Nguyễn Thế Gia Khoa   | 15/07/2011 |         |
| 16  | 900136 | 9A3 | Hoàng Minh Khôi       | 19/07/2011 |         |
| 17  | 900137 | 9A3 | Nguyễn Minh Khôi      | 06/06/2011 |         |
| 18  | 900138 | 9A5 | Nguyễn Minh Khôi      | 22/12/2011 |         |
| 19  | 900139 | 9A1 | Lê Đức Kiên           | 02/07/2011 |         |
| 20  | 900140 | 9A1 | Dương Tuấn Kiệt       | 30/07/2011 |         |
| 21  | 900141 | 9A5 | Nguyễn Hà Lam         | 02/12/2011 |         |
| 22  | 900142 | 9A1 | Phạm Hải Lam          | 16/01/2011 |         |
| 23  | 900143 | 9A2 | Lê Tùng Lâm           | 21/04/2011 |         |
| 24  | 900144 | 9A3 | Nguyễn Bá Lâm         | 19/05/2011 |         |
| 25  |        |     |                       |            |         |
| 26  |        |     |                       |            |         |
| 27  |        |     |                       |            |         |
| 28  |        |     |                       |            |         |
| 29  |        |     |                       |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:20

Tại phòng:304

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 900145 | 9A2 | Nguyễn Tùng Lâm       | 25/03/2011 |         |
| 2   | 900146 | 9A3 | Nguyễn Tùng Lâm       | 25/11/2011 |         |
| 3   | 900147 | 9A5 | Nguyễn Tùng Lâm       | 26/07/2011 |         |
| 4   | 900148 | 9A3 | Phạm Tùng Lâm         | 24/01/2011 |         |
| 5   | 900149 | 9A2 | Bế Diệp Linh          | 06/09/2011 |         |
| 6   | 900150 | 9A5 | Bùi Văn Linh          | 13/07/2011 |         |
| 7   | 900151 | 9A2 | Lê Khánh Linh         | 11/01/2011 |         |
| 8   | 900152 | 9A3 | Nguyễn Đạt Gia Linh   | 03/12/2011 |         |
| 9   | 900153 | 9A5 | Nguyễn Ngọc Linh      | 13/04/2011 |         |
| 10  | 900154 | 9A1 | Nguyễn Phương Linh    | 12/02/2011 |         |
| 11  | 900155 | 9A6 | Nguyễn Phương Linh    | 23/03/2011 |         |
| 12  | 900156 | 9A5 | Nguyễn Thảo Linh      | 18/02/2011 |         |
| 13  | 900157 | 9A5 | Nguyễn Trần Hiền Linh | 25/09/2011 |         |
| 14  | 900158 | 9A5 | Nguyễn Trúc Linh      | 18/03/2011 |         |
| 15  | 900159 | 9A3 | Nguyễn Tuệ Linh       | 06/09/2011 |         |
| 16  | 900160 | 9A2 | Phan Hoàng Linh       | 11/07/2011 |         |
| 17  | 900161 | 9A2 | Trần Ngọc Phương Linh | 15/07/2011 |         |
| 18  | 900162 | 9A5 | Vũ Khánh Linh         | 14/03/2011 |         |
| 19  | 900163 | 9A3 | Vũ Trần Đan Linh      | 02/02/2011 |         |
| 20  | 900164 | 9A4 | Hoàng Gia Lương       | 14/03/2011 |         |
| 21  | 900165 | 9A4 | Lê Nhật Mai           | 19/03/2011 |         |
| 22  | 900166 | 9A3 | Tăng Ban Mai          | 14/05/2011 |         |
| 23  | 900167 | 9A6 | Vũ Phương Mai         | 28/12/2011 |         |
| 24  | 900168 | 9A4 | Bùi Hữu Minh          | 15/12/2011 |         |
| 25  |        |     |                       |            |         |
| 26  |        |     |                       |            |         |
| 27  |        |     |                       |            |         |
| 28  |        |     |                       |            |         |
| 29  |        |     |                       |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:21

Tại phòng:306

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 900169 | 9A4 | Dương Nhật Minh       | 06/01/2011 |         |
| 2   | 900170 | 9A4 | Dương Thảo Hồng Minh  | 20/04/2011 |         |
| 3   | 900171 | 9A3 | Dương Tuệ Minh        | 26/04/2011 |         |
| 4   | 900172 | 9A5 | Đặng Phạm Thảo Minh   | 12/09/2011 |         |
| 5   | 900173 | 9A5 | Đỗ Lê Minh            | 23/09/2011 |         |
| 6   | 900174 | 9A3 | Đỗ Nhật Minh          | 02/06/2011 |         |
| 7   | 900175 | 9A6 | Hoàng Hiên Minh       | 11/07/2011 |         |
| 8   | 900176 | 9A3 | Hồ Quang Minh         | 04/10/2011 |         |
| 9   | 900177 | 9A3 | Kiều Tuệ Minh         | 26/12/2011 |         |
| 10  | 900178 | 9A5 | Lê Đức Minh           | 04/10/2011 |         |
| 11  | 900179 | 9A3 | Lê Hoàng Minh         | 09/02/2011 |         |
| 12  | 900180 | 9A3 | Nguyễn Đăng Tuấn Minh | 21/08/2011 |         |
| 13  | 900181 | 9A1 | Nguyễn Lê Hiếu Minh   | 21/11/2011 |         |
| 14  | 900182 | 9A1 | Nguyễn Nhật Minh      | 10/07/2011 |         |
| 15  | 900183 | 9A1 | Nguyễn Phú Minh       | 14/11/2011 |         |
| 16  | 900184 | 9A2 | Nguyễn Quang Minh     | 06/01/2011 |         |
| 17  | 900185 | 9A6 | Nguyễn Tuấn Minh      | 13/06/2011 |         |
| 18  | 900186 | 9A1 | Nguyễn Vũ Bình Minh   | 13/06/2011 |         |
| 19  | 900187 | 9A5 | Phạm Hải Minh         | 13/09/2011 |         |
| 20  | 900188 | 9A4 | Trần Nhật Minh        | 27/05/2011 |         |
| 21  | 900189 | 9A1 | Trịnh Gia Minh        | 15/04/2011 |         |
| 22  | 900190 | 9A6 | Vũ Hiếu Minh          | 20/10/2011 |         |
| 23  | 900191 | 9A4 | Hoàng Nguyễn Trà My   | 20/11/2011 |         |
| 24  | 900192 | 9A4 | Nguyễn Lan My         | 05/02/2011 |         |
| 25  |        |     |                       |            |         |
| 26  |        |     |                       |            |         |
| 27  |        |     |                       |            |         |
| 28  |        |     |                       |            |         |
| 29  |        |     |                       |            |         |



DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:22

Tại phòng:308

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS             | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|--------------------------|------------|---------|
| 1   | 900193 | 9A3 | Lê Bảo Nam               | 29/12/2011 |         |
| 2   | 900194 | 9A2 | Mai Trúc Nam             | 23/07/2011 |         |
| 3   | 900195 | 9A2 | Nguyễn Hoàng Bảo Nam     | 15/10/2011 |         |
| 4   | 900196 | 9A6 | Nguyễn Thành Nam         | 24/09/2011 |         |
| 5   | 900197 | 9A1 | Nguyễn Vũ Khánh Nam      | 22/04/2011 |         |
| 6   | 900198 | 9A2 | Trần Bảo Nam             | 08/03/2011 |         |
| 7   | 900199 | 9A4 | Trịnh Hoàng Nam          | 04/10/2011 |         |
| 8   | 900200 | 9A3 | Bùi Khánh Nga            | 16/11/2011 |         |
| 9   | 900201 | 9A6 | Trần Bảo Ngân            | 18/06/2011 |         |
| 10  | 900202 | 9A4 | Cao Lê Bảo Ngọc          | 08/12/2011 |         |
| 11  | 900203 | 9A5 | Dương Minh Ngọc          | 13/03/2011 |         |
| 12  | 900204 | 9A3 | Đặng Minh Ngọc           | 02/02/2011 |         |
| 13  | 900205 | 9A4 | Lê Minh Ngọc             | 27/05/2011 |         |
| 14  | 900206 | 9A4 | Lê Trần Minh Ngọc        | 05/09/2011 |         |
| 15  | 900207 | 9A1 | Nguyễn Đỗ Bảo Ngọc       | 04/02/2011 |         |
| 16  | 900208 | 9A5 | Nguyễn Linh Ngọc         | 27/10/2011 |         |
| 17  | 900209 | 9A2 | Vũ Bảo Ngọc              | 04/07/2011 |         |
| 18  | 900210 | 9A6 | Bùi Khôi Nguyên          | 12/02/2011 |         |
| 19  | 900211 | 9A6 | Cao Thảo Nguyên          | 21/06/2011 |         |
| 20  | 900212 | 9A4 | Lê Phúc Nguyên           | 06/08/2011 |         |
| 21  | 900213 | 9A4 | Lê Xuân Nguyên           | 23/01/2011 |         |
| 22  | 900214 | 9A5 | Nguyễn Khắc Bảo Nguyên   | 08/06/2011 |         |
| 23  | 900215 | 9A6 | Nguyễn Thị Hạnh Nguyên   | 07/03/2011 |         |
| 24  | 900216 | 9A3 | Nguyễn Xuân Khánh Nguyên | 26/02/2011 |         |
| 25  |        |     |                          |            |         |
| 26  |        |     |                          |            |         |
| 27  |        |     |                          |            |         |
| 28  |        |     |                          |            |         |
| 29  |        |     |                          |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:23

Tại phòng:309

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|------------------------|------------|---------|
| 1   | 900217 | 9A1 | Trần Đức Nguyên        | 24/08/2011 |         |
| 2   | 900218 | 9A1 | Trần Giang Thảo Nguyên | 18/03/2011 |         |
| 3   | 900219 | 9A3 | Trần Khôi Nguyên       | 28/05/2011 |         |
| 4   | 900220 | 9A3 | Đình Minh Nguyễn       | 31/08/2011 |         |
| 5   | 900221 | 9A6 | Lê Minh Nhã            | 21/05/2011 |         |
| 6   | 900222 | 9A4 | Lê Minh Nhật           | 22/04/2011 |         |
| 7   | 900223 | 9A3 | Nguyễn Hiền Nhi        | 18/04/2011 |         |
| 8   | 900224 | 9A6 | Phan Lã Nhi            | 26/11/2011 |         |
| 9   | 900225 | 9A5 | Phan Thảo Nhi          | 27/06/2011 |         |
| 10  | 900226 | 9A4 | Trần Lê Yến Nhi        | 13/11/2011 |         |
| 11  | 900227 | 9A2 | Phạm Tâm Như           | 10/04/2011 |         |
| 12  | 900228 | 9A5 | Triệu Quỳnh Như        | 06/10/2011 |         |
| 13  | 900229 | 9A2 | Trịnh Tố Như           | 05/03/2011 |         |
| 14  | 900230 | 9A1 | Nguyễn Hải Phong       | 05/06/2011 |         |
| 15  | 900231 | 9A4 | Phạm Gia Phong         | 08/04/2011 |         |
| 16  | 900232 | 9A6 | Trịnh Minh Phong       | 03/09/2011 |         |
| 17  | 900233 | 9A1 | Vũ Thiện Phong         | 17/11/2011 |         |
| 18  | 900234 | 9A1 | Đình Quang Phúc        | 09/03/2011 |         |
| 19  | 900235 | 9A6 | Nguyễn Bảo Phúc        | 23/07/2011 |         |
| 20  | 900236 | 9A6 | Nguyễn Văn Phúc        | 30/10/2011 |         |
| 21  | 900237 | 9A4 | Phạm Hồng Phúc         | 19/11/2011 |         |
| 22  | 900238 | 9A5 | Thiều Hồng Phúc        | 16/03/2011 |         |
| 23  | 900239 | 9A2 | Bùi Bảo Phương         | 22/04/2011 |         |
| 24  | 900240 | 9A4 | Bùi Mai Phương         | 29/03/2011 |         |
| 25  |        |     |                        |            |         |
| 26  |        |     |                        |            |         |
| 27  |        |     |                        |            |         |
| 28  |        |     |                        |            |         |
| 29  |        |     |                        |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:24

Tại phòng:310

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS            | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 900241 | 9A6 | Hoàng Mai Phương        | 31/08/2011 |         |
| 2   | 900242 | 9A1 | Lê Khánh Phương         | 15/03/2011 |         |
| 3   | 900243 | 9A6 | Ngô Lan Phương          | 31/05/2011 |         |
| 4   | 900244 | 9A1 | Nguyễn Hà Phương        | 21/10/2011 |         |
| 5   | 900245 | 9A6 | Nguyễn Mai Phương       | 13/01/2011 |         |
| 6   | 900246 | 9A1 | Nguyễn Ngọc Minh Phương | 23/02/2011 |         |
| 7   | 900247 | 9A2 | Trần Tuệ Phương         | 02/06/2011 |         |
| 8   | 900248 | 9A3 | Trịnh Minh Phương       | 03/11/2011 |         |
| 9   | 900249 | 9A2 | Lê Duy Minh Quang       | 21/05/2011 |         |
| 10  | 900250 | 9A1 | Lê Tuấn Quang           | 19/04/2011 |         |
| 11  | 900251 | 9A6 | Vũ Đức Quân             | 19/01/2011 |         |
| 12  | 900252 | 9A3 | Nguyễn Thúy Quỳnh       | 28/02/2011 |         |
| 13  | 900253 | 9A4 | Nguyễn Tú Quỳnh         | 04/04/2011 |         |
| 14  | 900254 | 9A6 | Hoàng Bảo Sơn           | 08/02/2011 |         |
| 15  | 900255 | 9A1 | Nguyễn Minh Sơn         | 12/10/2011 |         |
| 16  | 900256 | 9A3 | Nguyễn Ngọc Sơn         | 09/01/2011 |         |
| 17  | 900257 | 9A2 | Nguyễn Minh Tâm         | 17/12/2011 |         |
| 18  | 900258 | 9A3 | Nguyễn Anh Thái         | 28/04/2011 |         |
| 19  | 900259 | 9A3 | Đỗ Trung Thành          | 24/10/2011 |         |
| 20  | 900260 | 9A1 | Lê Văn Thành            | 31/05/2011 |         |
| 21  | 900261 | 9A5 | Nguyễn Minh Thành       | 21/01/2011 |         |
| 22  | 900262 | 9A1 | Dương Thị Phương Thảo   | 07/09/2011 |         |
| 23  | 900263 | 9A5 | Lê Phương Thảo          | 16/11/2011 |         |
| 24  | 900264 | 9A3 | Nguyễn Quang Thắng      | 17/10/2011 |         |
| 25  |        |     |                         |            |         |
| 26  |        |     |                         |            |         |
| 27  |        |     |                         |            |         |
| 28  |        |     |                         |            |         |
| 29  |        |     |                         |            |         |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I, KHỐI 9

Phòng số:25

Tại phòng:405

| STT | SBD    | Lớp | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|-----|------------------------|------------|---------|
| 1   | 900265 | 9A6 | Dương Đình Thịnh       | 09/07/2011 |         |
| 2   | 900266 | 9A3 | Nguyễn Minh Thu        | 13/11/2011 |         |
| 3   | 900267 | 9A6 | Nguyễn Minh Thu        | 08/07/2011 |         |
| 4   | 900268 | 9A4 | Hoàng Anh Thư          | 24/03/2011 |         |
| 5   | 900269 | 9A5 | Lê Minh Tiến           | 06/10/2011 |         |
| 6   | 900270 | 9A2 | Nguyễn Mai Trang       | 21/01/2011 |         |
| 7   | 900271 | 9A4 | Phạm Huyền Trang       | 23/04/2011 |         |
| 8   | 900272 | 9A2 | Trần Diệu Bảo Trâm     | 05/08/2011 |         |
| 9   | 900273 | 9A6 | Nguyễn Gia Trí         | 18/11/2011 |         |
| 10  | 900274 | 9A6 | Nguyễn Thế Minh Trí    | 24/05/2011 |         |
| 11  | 900275 | 9A1 | Phạm Phúc Trí          | 07/11/2011 |         |
| 12  | 900276 | 9A4 | Lý Ngọc Trúc           | 12/11/2011 |         |
| 13  | 900277 | 9A6 | Nguyễn Trần Minh Trung | 15/03/2011 |         |
| 14  | 900278 | 9A3 | Phan Đoàn Nam Trung    | 06/02/2011 |         |
| 15  | 900279 | 9A4 | Vũ Phan Trung          | 30/05/2011 |         |
| 16  | 900280 | 9A6 | Phan Nguyệt Tú         | 10/04/2011 |         |
| 17  | 900281 | 9A5 | Giản Viết Hoàng Tùng   | 11/05/2011 |         |
| 18  | 900282 | 9A2 | Hoàng Minh Tùng        | 09/01/2011 |         |
| 19  | 900283 | 9A3 | Nguyễn Hải Tùng        | 20/08/2011 |         |
| 20  | 900284 | 9A2 | Nguyễn Phi Tùng        | 28/03/2011 |         |
| 21  | 900285 | 9A5 | Nguyễn Phong Tùng      | 10/02/2011 |         |
| 22  | 900286 | 9A2 | Nguyễn Thanh Tùng      | 24/09/2011 |         |
| 23  | 900287 | 9A4 | Nguyễn Ngọc Tường Uyên | 08/10/2011 |         |
| 24  | 900288 | 9A2 | Trần Gia Lan Uyên      | 28/03/2011 |         |
| 25  | 900289 | 9A6 | Đào Hà Vi              | 11/08/2011 |         |
| 26  | 900290 | 9A2 | Trần Nguyễn Tường Vi   | 15/04/2011 |         |
| 27  | 900291 | 9A2 | Nguyễn Đông Yên        | 10/05/2011 |         |
| 28  | 900292 | 9A6 | Nguyễn Hải Yến         | 24/03/2011 |         |
| 29  |        |     |                        |            |         |